

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Tùng;
2. Bà Dương Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16A/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị L T P, sinh năm 1980.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C P C, xã T C P, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh G S C, sinh năm 1989.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C P C, xã T C P, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

3. Người phiên dịch: Ông L S V, sinh năm 1977.

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố H R, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2024, biên bản lấy lời khai quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị L T P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh G S C tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 được tổ chức ăn hỏi theo phong tục của địa phương không đăng ký kết hôn, đến ngày 07/4/2009 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T C P, huyện S, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, không cùng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, cuộc sống không có hạnh phúc, ngoài ra anh C còn không chăm lo cho cuộc sống gia đình, suốt ngày bỏ ra ngoài sinh sống, không cùng chị xây dựng kinh tế, hạnh phúc gia đình. Từ tháng 10/2023 anh C thường xuyên bỏ nhà đi làm, thỉnh thoảng về nhà xong lại đi nhưng không đưa tiền cho chị, anh C làm chỗ này được vài tháng lại chuyển đi chỗ khác và không muốn làm vợ chồng cùng chị, từ tháng 10/2023 đến nay anh chị không còn quan hệ tình cảm, không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân một thời gian dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh G S C.

- Về con chung, nuôi con khi ly hôn: Chị và anh C có với nhau 03 con chung là các cháu G S T sinh ngày 01/7/2007, cháu G T M sinh ngày 20/02/2008 và cháu G S K sinh ngày 04/01/2010 cả ba cháu khoẻ mạnh và phát triển bình thường hiện nay đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 03 con chung không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản; về quyền và nghĩa vụ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đề nghị của bị đơn:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh C, anh C đã biết nhưng cố tình vắng mặt không đến Tòa án để làm việc. Khi tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải anh C không có mặt nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tiến hành hoà giải được vụ án và ra thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và niêm yết theo quy định, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 11 tháng 9 năm 2024 nhưng anh C vắng mặt nên hoãn phiên tòa và đã niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào 08 giờ 30 phút, ngày 27/9/2024.

Căn cứ theo hướng dẫn tại mục 9 Giải đáp số 02 ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

3.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến Điều 97. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203, 233 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng

xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị L T P được ly hôn với anh G S C.

- Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu G S T sinh ngày 01/7/2007, cháu G T M sinh ngày 20/02/2008 và cháu G S K sinh ngày 04/01/2010 cho chị L T P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

3. 3. Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm pháp luật: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị L T P kiện ly hôn anh G S C, các tài liệu, chứng cứ thể hiện anh C đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C P C, xã T C P, huyện S có đi làm ăn tại nơi khác, thỉnh thoảng vẫn trở về nhà và không đăng ký tạm trú ở nơi khác, việc Tòa án thụ lý vụ án thì anh C đã biết, căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; mục 9 Giải đáp số 02 ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị P và anh C đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã T C P, huyện S do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống ban đầu tình cảm vợ chồng anh chị hòa thuận, hạnh phúc và đã có với nhau 03 con chung, nhưng đến nay hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không có tình nghĩa vợ chồng thể hiện ở việc chị P và anh C không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đã sống ly thân bỏ mặc nhau một thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau. Do vậy việc chị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C là có căn cứ nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L T P được ly hôn anh G S C.

[3]. *Về nuôi con khi ly hôn*: Quá trình chung sống vợ chồng chị P và anh C có 03 con chung là các cháu G S T sinh ngày 01/7/2007, G T M sinh ngày 20/02/2008 và cháu G S K sinh ngày 04/01/2010 cả ba cháu khỏe mạnh và phát

triển bình thường hiện nay đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị P có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 03 con chung không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Xét về khả năng, điều kiện nuôi con thì chị P là lao động chính, cần cù, chịu khó làm công việc trồng trọt, chăn nuôi thu nhập bình quân hàng tháng được 5.000.000 đồng, còn anh C làm nghề lao động tự do công việc không ổn định, nay đây mai đó, không cư trú tại một nơi cố định, thu nhập hàng tháng chỉ được 3.000.000 đồng và không thương yêu quan tâm, chăm sóc đến các con, thực tế trong thời gian dài vợ chồng chị P và anh C ly thân với nhau một mình chị P đã trực tiếp nuôi các con vẫn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu, ngoài ra hai con lớn của anh chị là cháu Thê và cháu Mố đã gần đủ 18 tuổi, làm việc và phụ giúp được nhiều việc gia đình, cả ba cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ sau khi ly hôn nên cần giao cả 03 cháu cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, đảm bảo điều kiện phát triển và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn*: Chị P có việc làm và thu nhập đảm bảo việc trực tiếp nuôi dưỡng các con và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, anh C công việc không ổn định, thu nhập không cao, sau này nếu chị P trực tiếp nuôi con mà không đảm bảo điều kiện nuôi con thì có thể đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác. Trong vụ án này Hội đồng xét xử không buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

[5]. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Chị L T P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị L T P được ly hôn với anh G S C.

Quan hệ hôn nhân giữa chị L T P và anh G S C chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về nuôi con khi ly hôn*: Xử giao 03 cháu G S T sinh ngày 01/7/2007, cháu G T M sinh ngày 20/02/2008 và cháu G S K sinh ngày 04/01/2010 cho chị L T P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Thê, cháu Mố và cháu Khôi đủ 18 tuổi. Anh G S C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Chị L T P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001888 ngày 01/07/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai. Chị P đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS ND H. S (2);
- Chi cục THADS H. S;
- UBND xã T C P, huyện S, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng

